

I.Mục tiêu:

1. Hệ thống hóa và hiểu sâu thêm các từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ đã học trong 3 chủ điểm “Thương người như thể thương thân”, “Măng mọc thẳng”, “Trên đôi cánh ước mơ”.

2. Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

II.Đồ dùng dạy học:

Phiếu kẻ sẵn nội dung.

III.Các hoạt động dạy học:

1. Giới thiệu bài:

- GV hỏi: Từ đầu năm các em được học những chủ điểm nào?

- GV ghi tên các chủ điểm đó lên bảng lớp và giới thiệu...

HS: Kể tên các chủ điểm đã học từ đầu năm học.

2.Hướng dẫn HS ôn tập:

+ Bài 1:

- GV viết tên bài, số trang của 5 tiết “Mở rộng vốn từ” lên bảng để HS tìm nhanh trong SGK.

- GV phát phiếu cho các nhóm, quy định thời gian làm (10 phút).

HS: 1 em đọc yêu cầu của bài.

Cả lớp đọc thầm thảo luận về các việc cần làm để giải đúng bài tập.

- Mở SGK xem lại 5 bài mở rộng vốn từ tiết “Luyện từ và câu” của 3 chủ điểm

+ Nhân hậu - đoàn kết: T2 T17, T3 T33.

+ Trung thực - tự trọng: T5 T48, T6 T62.

+ Ước mơ: Tuần 9 T87.

- GV hướng dẫn HS cả lớp soát lại bình chọn nhóm làm tốt nhất.

-Bài 2.

HS: Các nhóm làm bài vào phiếu.

- Đại diện nhóm lên trình bày nhanh sản phẩm của nhóm mình đã được dán trên bảng lớp.

-Nhận xét bài của nhóm bạn..

- GV dán phiếu đã kẻ sẵn lên bảng. HS nêu, GV ghi vào.

HS: Cả lớp đọc thầm yêu cầu của bài tập.

- Tìm nhanh các thành ngữ, tục ngữ đã học gắn với 3 chủ điểm.

- 1 - 2 em nhìn bảng đọc lại các thành ngữ, tục ngữ.

- Có thể giải nghĩa 1 số câu thành ngữ, tục ngữ.

+ **Bài 3:Y/c HS thảo luận cặp đôi về tác dụng của dấu ngoặc kép và dấu 2 chấm, lấy VD về tác dụng của chúng.**

HS: Đọc yêu cầu và tự làm vào vở.

- 1 số HS làm bài vào phiếu.

- HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả.

Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng (SGV).

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét tiết học. Y/c HS về nhà ôn lại bài, chuẩn bị bài sau.

Mỹ thuật

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Toán

Kiểm tra định kỳ (Giữa học kỳ I)

I.Mục tiêu:

- HS làm được bài kiểm tra định kỳ giữa kỳ I.
- Rèn ý thức nghiêm túc trong giờ kiểm tra.

II.Cách tiến hành:

1. GV phát đề cho từng HS. (Theo đề kiểm tra của nhà trường).
 2. Nhắc nhở các em đọc thật kỹ đề trước khi làm bài.
 3. Không bàn tán, quay cóp, tự mình đọc và làm bài.
 4. Thu bài và nhận xét tiết học.
-

Buổi chiều:

Kể chuyện

ôn tập giữa học kỳ I (Tiết 5)

I.Mục tiêu:

- Tiếp tục kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng.
- Hệ thống được 1 số điều cần nhớ về thể loại, nội dung chính, nhân vật, tính cách, cách đọc các bài tập đọc thuộc chủ điểm “Trên đôi cánh ước mơ”.

II.Đồ dùng dạy - học:

Phiếu ghi tên các bài tập đọc. Phiếu kẻ sẵn bảng BT 2.

III.Các hoạt động dạy và học:

1.Giới thiệu bài:

GV nêu mục đích yêu cầu cần đạt của tiết học.

2.Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng:

- Thực hiện như tiết 1 (Kiểm tra số HS còn lại).

3.Bài tập 2: - HS đọc yêu cầu của bài.

- GV nhắc các em những việc cần làm.

- Cả lớp đọc yêu cầu bài tập.

-Đọc thầm các bài tập đọc, học thuộc lòng thuộc chủ điểm “Trên đôi cánh ước mơ” để ghi những điều cần nhớ vào nháp.

HS: Nói tên 6 bài tập đọc, GV viết nhanh lên bảng.

- GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ.

HS: Hoạt động theo nhóm đọc lướt bài tập đọc, mỗi em đọc 2 bài ghi ra nháp tên bài, thể loại, nội dung chính, giọng

- GV dán phiếu đã chuẩn bị để chốt lại.

4. Bài tập 3:

- GV phát phiếu và bút dạ cho các nhóm.

-GV dán giấy ghi sẵn lời giải để chốt lại.

đọc, ... ghi vào phiếu học tập.

- Các nhóm dán phân kết quả lên bảng.

HS: Viết bài vào vở bài tập.

HS: Đọc yêu cầu của bài.

- Nêu tên các bài tập đọc là truyện kể theo chủ điểm “Trên đôi cánh ước mơ”.

+ Đôi giày ba ta màu xanh.

+ Thưa chuyện với mẹ.

+ Điều ước của vua Mi - đất.

HS: Trao đổi làm bài vào phiếu.

- Đại diện lên trình bày.

HS: 1 - 2 em đọc lại kết quả.

<i>Nhân vật</i>	<i>Tên bài</i>	<i>Tính cách</i>
- Chị phụ trách	Đôi giày ba ta màu xanh	- Nhân hậu, muốn giúp trẻ lang thang, quan tâm thông cảm với ước muốn của trẻ.
- Lái		- Hồn nhiên, tình cảm, thích được đi giày đẹp
- Cương	Thưa chuyện với mẹ	- Hiếu thảo, thương mẹ, muốn đi làm để kiếm tiền giúp mẹ.
- Mẹ Cương		- Dịu dàng, thương con.
- Vua Mi - đất	Điều ước của vua Mi - đất	- Tham lam nhưng biết hối hận.
- Thân Đi - ô - ni - dốt		

5. Củng cố dặn dò:

- Các bài tập đọc trên giúp các em hiểu điều gì ?

(Con người cần sống có ước mơ, quan tâm đến ước mơ của nhau. Những ước mơ cao đẹp, sự quan tâm đến nhau sẽ làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp, hạnh phúc).

- Nhận xét tiết học. Y/c HS về học và chuẩn bị bài sau.

Luyện tiếng việt

ôn tập

I.Mục tiêu:

- Tìm được trong đoạn văn các danh từ, động từ.

-Củng cố quy tắc viết tên riêng.

II.Đồ dùng dạy học:

Chuẩn bị nội dung bài.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A.Kiểm tra bài cũ

B. Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài

2. Nội dung

Bài 1. Tìm danh từ, động từ trong đoạn văn sau:

Mùa xuân đến, Linh thường lắng nghe họa mi hát. Mọi người đều cho rằng tiếng hát kỳ diệu của nó làm mọi vật bừng tỉnh.

Danh từ	Động từ
<i>Mùa xuân, Linh, họa mi, mọi người, tiếng hát, mọi vật</i>	<i>đến, lắng nghe, hát, bừng tỉnh, cho, làm</i>

Bài 2. Ghi tên người:

- a) Là tấm gương sáng về lòng thương người: - Mẹ con bà góa (Sự tích Hồ Ba Bể)
- b) Là tấm gương về lòng trung thực, chính trực: - Tô Hiến Thành
- c) Có ước mơ cao đẹp: - Lê - ô - nác đô đa Vin - xi

Bài 3. Tìm từ không thuộc nhóm cấu tạo trong mỗi dãy từ sau.

- a) ước mong, ước ao, ước muốn, ước tính, ước lượng - ước ao
- b) mặt mũi, đi đứng, bông bế, đung đưa, đu đưa - đung đưa

Bài 4. Hai câu sau mắc lỗi vì không viết danh từ riêng. Hãy tìm và viết hoa lại cho đúng các danh từ riêng đó.

Trần hưng đạo đã trở xuống dòng sông hóa thê rằng: chuyến này không phá xong giặc nguyên thê không về với bến sông này nữa.

- trần hưng đạo - Trần Hưng Đạo
- hóa - Hóa
- nguyên - Nguyên

3. Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét tiết học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

Khoa học

Nước có những tính chất gì ?

I. Mục tiêu:

- HS có khả năng phát hiện ra 1 số những tính chất của nước bằng cách:
- Quan sát để phát hiện màu, mùi vị của nước.
 - Làm thí nghiệm chứng minh nước không có hình dạng nhất định, chảy lan ra mọi phía, thấm qua 1 số vật và có thể hoà tan 1 số chất.

II. Đồ dùng dạy - học:

Hình vẽ trang 42, 43 SGK, cốc, chai, nước...

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra sự chuẩn bị của các nhóm.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hoạt động 1: Màu, mùi và vị của nước:

Bước 1: Tổ chức và hướng dẫn.

Bước 2: Làm việc theo nhóm.

Bước 3: Làm việc cả lớp.

+ Cốc nào đựng nước, cốc nào đựng sữa?

+ Làm thế nào để biết điều đó?

+ Em có NX gì về màu, mùi và vị của nước?

3. Hoạt động 2: Nước không có hình dạng nhất định và chảy lan ra mọi phía.

Bước 1: Y/c HS chuẩn bị: chai, lọ, hộp bằng thủy tinh, nước, tấm kính và khay đựng nước.

- GV yêu cầu các nhóm tập trung quan sát 1 cái chai hoặc 1 cái cốc ở các vị trí khác nhau. Ví dụ: đặt nằm ngang hay dốc ngược.

? Khi thay đổi vị trí của cái chai hoặc cốc thì hình dạng của chúng có thay đổi không?

=> Vậy chai, cốc là những vật có hình dạng không nhất định.

Bước 2: Nước có hình dạng nhất định không? Cho HS làm thí nghiệm.

Nước có hình dạng nhất định không?

HS: Các nhóm đem cốc nước, cốc sữa (hoặc quan sát SGK) và trao đổi.

HS: Vừa quan sát, vừa nếm, ngửi... để trả lời câu hỏi.

- Đại diện nhóm trình bày, GV ghi các ý trả lời lên bảng.

- Cốc 1 đựng nước, cốc 2 đựng sữa.

Sử dụng các giác quan (nhìn, nếm, ngửi):

- Nhìn: + Cốc 1: trong suốt, không màu, nhìn thấy rõ cái thìa.

+ Cốc 2: có màu trắng đục nên không nhìn rõ thìa.

- Nếm: + Cốc nước: không có vị.

+ Cốc sữa: có vị ngọt.

- Ngửi:

+ Cốc nước: không có mùi vị.

+ Cốc sữa: có mùi sữa.

HS: Nước trong suốt, không màu, không mùi, không vị. GV ghi bảng.

- Các nhóm đem chai, lọ, cốc có hình dạng khác nhau đặt lên bàn. Làm thí nghiệm, quan sát và thảo luận.

HS: Quan sát để trả lời câu hỏi.

HS: Không thay đổi.

HS: Các nhóm làm thí nghiệm và nêu nhận xét.

- Không có hình dạng nhất định. Hình dạng của nước luôn phụ thuộc vào vật chứa nó.

=> Nước không có hình dạng nhất định.

? Nước chảy như thế nào

4.Hoạt động 3:Nước thấm qua 1 số vật và hoà tan 1 số chất.

? Nước thấm qua những vật nào

5. Hoạt động 4: Phát hiện nước có thể hoà tan 1 số chất hoặc không hoà tan 1 số chất:

Kết luận: Nước có thể hoà tan 1 số chất.

=> Yêu cầu HS nêu mục Bạn cần biết.

- GV ghi bảng.

7. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

HS: Các nhóm quan sát trong SGK và làm lại thí nghiệm đó để kết luận.

- Từ cao xuống thấp và lan ra khắp mọi phía.

HS: Làm thí nghiệm.

- Đổ nước vào khăn bông, tấm kính, li - lon xem vật nào thấm nước, vật nào không thấm.

- Khăn bông, vải, giấy báo, bọt biển.

HS: Làm thí nghiệm theo nhóm.

HS: 2 - 3 em đọc.

Thứ năm ngày 30 tháng 10 năm 2014

Buổi sáng:

Tập làm văn

ôn tập giữa học kỳ I (Tiết 6)

I.Mục tiêu:

- Xác định được các tiếng trong đoạn văn theo mô hình cấu tạo tiếng đã học.
- Tìm được trong đoạn văn các từ đơn, từ láy, từ ghép, danh từ, động từ.

II.Đồ dùng dạy học:

Phiếu học tập.

III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:

1.Giới thiệu:

2.Bài tập 1, 2:

HS: 1 em đọc đoạn văn bài tập 1 và yêu cầu của bài tập 2.

- Cả lớp đọc thầm đoạn văn “Chú

GV: ứng với mỗi mô hình chỉ cần tìm 1 tiếng.

- Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

3. Bài tập 3:

- GV nhắc HS xem lướt lại các bài từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy để thực hiện đúng yêu cầu của bài.

+ Thế nào là từ đơn?

+ Thế nào là từ láy?

+ Thế nào là từ ghép?

- GV phát phiếu cho từng cặp HS trao đổi và tìm trong đoạn văn 3 từ đơn, 3 từ láy, 3 từ ghép.

-GV và cả lớp nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

4. Bài tập 4:

-GV nhắc HS xem lướt lại bài danh từ, động từ để thực hiện đúng yêu cầu của bài.

- Hỏi: + Thế nào là danh từ?

+ Thế nào là động từ?

- GV và cả lớp nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

+ Danh từ: Tầm, cánh, chú, chuồn chuồn, tre, gió, bờ, ao, khóm, khoai nước, cảnh, đất nước, cánh đồng, đàn, trâu, cỏ, dòng sông, đoàn, thuyền, tầng, đàn cò, trời.

5. Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét tiết học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

chuồn chuồn”, tìm tiếng ứng với mô hình đã cho ở bài tập 2.

HS: Làm bài vào vở bài tập.

- 1 số em làm bài vào phiếu và trình bày kết quả.

HS: Đọc yêu cầu của bài tập.

- Từ chỉ gồm 1 tiếng.

- Từ được tạo ra bằng cách phối hợp với những tiếng có âm đầu hay vần giống nhau.

- Từ được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa lại với nhau.

HS: Làm vào phiếu, dán phiếu lên bảng trình bày.

HS: Đọc yêu cầu.

- Danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị).

- Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

HS: Làm bài vào phiếu.

-Đại diện lên dán phiếu và trình bày kết quả.

+ Động từ: rì rào, rung rinh, hiện ra, gặm, ngược xuôi, bay.

Âm nhạc

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)